UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /BC-KT

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày 06 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Quý I năm 2026

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ Quý I năm 2026

1. Công tác tham mưu giúp UBND xã chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thu, chi ngân sách

- Tham mưu giúp UBND xã thực hiện giao dự toán ngân sách năm 2026; đồng thời tham mưu công tác chỉ đạo, các cơ quan chức năng triển khai thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách năm 2026 ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện theo kịch bản thu ngân sách xã 2026.

- Tổng hợp tham mưu UBND xã thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030, kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước khu vực III – phòng giao dịch số 10, Sở tài chính thành phố thực hiện công tác đối chiếu, lập báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025 đảm bảo chính xác theo đúng quy định.

- Đôn đốc các đơn vị tập trung quản lý tốt nguồn thu khi được giao. Thực hiện nộp ngay các khoản đã thu được vào ngân sách, đảm bảo kế hoạch, kịch bản thu ngân sách Quý I năm 2026.

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch kịp thời để thực hiện các dự án đầu tư năm 2026. Đôn đốc các nhà thầu tăng cường thực hiện hoàn thành các dự án dở dang đảm bảo theo tiến độ. Đối với các dự án mới, tập trung phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện quy trình thủ tục hồ sơ theo quy định để đấu thầu triển khai thi công đảm bảo khối lượng để thực hiện gai ngân vốn đầu tư đạt kế hoạch kịch bản giải ngân vốn đầu tư năm 2026.

- Hướng dẫn các đơn vị dự toán ngân sách xã thực hiện thu, chi ngân sách, năm 2026 theo chỉ đạo của UBND và Sở Tài chính thành phố Hải Phòng;

- Tham mưu cho UBND xã và các đơn vị sự dung ngân sách ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, các quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công năm 2026. Thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 theo đúng quy định.

2. Tình hình thu, chi ngân sách Quý I năm 2026

a) Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu NSĐP thực hiện 99.385 triệu đồng, bằng 36,7% so với kế hoạch thành phố giao; trong đó:

- Tổng thu các sắc thuế, phí, Lệ phí và các khoản thu khác đạt 7.252 triệu đồng, bằng 7,08% so với kế hoạch;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 64.731 triệu đồng, bằng 38,44% so với kế hoạch.

b) Chi ngân sách xã:

Tổng chi ngân sách xã thực hiện 53.343 triệu đồng, bằng 19,7% so với dự toán được giao; trong đó:

- Chi đầu tư XDCB thực hiện 10.530 triệu đồng, bằng 14,10% dự toán;

- Chi thường xuyên thực hiện 42.813 triệu đồng, bằng 22,43% dự toán;

(Chi tiết theo mẫu biểu số 54, 55, 56.1)

3. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách xã 03 tháng đầu năm 2026

- Dự phòng được giao là 5.310 triệu đồng

(Chi tiết theo mẫu biểu số 56.2)

4. Kết quả phân bổ số tăng thu so với với toán, dự toán còn lại

Kinh phí tăng thu so với dự toán năm 2025 chuyển sang năm 2026 là 15.749 triệu đồng.

(Chi tiết theo mẫu biểu số 56.3)

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2026

1. Công tác thu ngân sách

- Tập trung công tác rà soát từng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, giải quyết các hồ sơ vướng mắc cho nhân dân, tạo nguồn thu lệ phí và tiền sử dụng đất.

- Hoàn thiện nhanh các bước để tổ chức đấu giá 36 lô đất khu dân cư Thờ Nợ và 01 lô đất khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng cũ (nay là thôn Tùng Lâm) để tạo nguồn thu cho ngân sách.

- Triển khai phương án và kế hoạch thu các khoản thu tại xã. Tăng cường rà soát các hộ kinh doanh cá thể, các nguồn thu từ cho thuê thầu khoán quỹ đất công ích và hoa lợi công sản để đảm bảo thu đúng, thu đủ, bù đắp phần hụt thu từ các sắc thuế khác.

2. Công tác chi ngân sách và đầu tư công

- Rà soát tiến độ thực hiện của các dự án để giải ngân vốn đầu tư công. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân vào cuối Quý II theo kịch bản đầu tư công năm 2026.

- Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, lương và các khoản phụ cấp. Đối với chi hoạt động bộ máy, ngoài việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong dự toán giao tạo nguồn cải cách tiền lương thì tiếp tục chủ động tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong dự toán được giao để thực hiện chính

sách an sinh xã hội, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, học tập…

Trên đây là báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý I năm 2026 xã Nguyễn Lương Bằng./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: KT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Anh Tuấn

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-KT ngày 06/4/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	thực hiện		Quý I so với DT (%)	
			Quý I	Lũy kế đến Quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**102.418**	**7.252**	**7.252**	**7,08**	
I	Thu nội địa	102.418	7.252	7.252	7,08	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**270.819**	**99.385**	**99.385**	**36,70**	
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**102.418**	**7.252**	**7.252**	**7,08**	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	6.790	3.174	3.174	46,74	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	95.628	4.078	4.078	4,26	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**168.401**	**64.731**	**64.731**	**38,44**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	167.321	45.821	45.821	27,39	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080	18.910	18.910	1.750,91	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu kết dư**					
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**27.403**	**27.403**		
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**270.819**	**53.343**	**53.343**	**19,70**	
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**270.819**	**53.343**	**53.343**	**19,70**	
1	Chi đầu tư phát triển	74.672	10.530	10.530	14,10	
2	Chi thường xuyên	190.837	42.813	42.813	22,43	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	5.310				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên**					
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				-	

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 55

THỰC HIỆN THU NSNN 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-KT ngày 06/4/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Thực hiện		Lũy kế đến Quý 1		So sánh % (TH/DT)	
		NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=3/1	8=4/2
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**236.800**	**102.418**	**56.859**	**7.252**	**56.774**	**7.252**	**24,0**	**7,1**
I	**Thu nội địa**	**236.800**	**102.418**	**56.859**	**7.252**	**56.774**	**7.252**	**24,0**	**7,1**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			221	119	221	119		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			141		141			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	30.100	16.254	8.485	3.631	8.485	3.631	28,2	22,3
4	Thuế thu nhập cá nhân			2.649		2.649			
5	Thuế bảo vệ môi trường			85					
6	Phí, lệ phí	180	180	94	55	94	55	52,4	30,8
7	Lệ phí trước bạ	11.700	7.850	2.351	1.342	2.351	1.342	20,1	17,1
8	Các khoản thu về nhà, đất	192.320	76.034	40.925	336	40.925	336	21,3	0,4
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*								
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*510*	*510*	*8*	*8*	*8*	*8*	*1,6*	*1,6*
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*2.130*	*852*	*98*	*39*	*98*	*39*	*4,6*	*4,6*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*189.680*	*74.672*	*40.819*	*289*	*40.819*	*289*	*21,5*	*0,39*
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*								
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển								

10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công								
11	Thu từ hoạt động xổ số								
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển								
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước								
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*								
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*								
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	1.028	1.028	1.028	1.028	**51,4**	51,4
15	Thu khác ngân sách	500	100	879	740	879	740	**175,8**	739,9
II	**Thu từ dầu thô**								
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**								
IV	**Thu viện trợ**								
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**								
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**		**102.418**	**0**	**7.252**	**0**	**7.252**	**7,08**	**51**
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP		6.790		3.174		3.174		46,7
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)								
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%		95.628		4.078		4.078		4,3

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 56.1

THỰC HIỆN CHI NSNN 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-KT ngày 06/4/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	thực hiện		Quý I so với DT (%)	
			Quý I	Lũy kế đến Quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**270.819**	**53.343**	**53.343**	**19,70**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**270.819**	**53.343**	**53.343**	**19,70**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**74.672**	**10.530**	**10.530**	**14,10**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	74.672	10.530	10.530	14,10	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**190.837**	**42.813**	**42.813**	**22,4**	
	Trong đó:					
1	*Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề*	105.284	19.740	19.740	18,7	
2	*Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*	390				
3	*Chi quốc phòng, an ninh*	4290	1.440	1.440	33,6	
4	*Chi y tế, dân số và gia đình*	5.280	854	854	16,2	
5	*Chi văn hoá thông tin*	4.756	155	155	3,3	
6	*Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn*	300			0,0	
7	*Chi thể dục thể thao*	355			0,0	
8	*Chi bảo vệ môi trường*	1.172			0,0	
9	*Chi các hoạt động kinh tế*	11.792	31	31	0,3	
10	*Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể*	29.783	8.524	8.524	28,6	
11	*Chi đảm bảo xã hội*	26.486	12.068	12.068	45,6	
12	*Chi khác*	949				
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**5.310**				
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TW CHO NSĐP**					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 56.2

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 27/BC-KT ngày 06/4/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	**5.310**	**0**	**5.310**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	5.310		5.310						

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Biểu mẫu số 56.3

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI
(Kèm theo Báo cáo số: 27/BC-KT ngày 06/4/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	**15.749**	**-**	**-**
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	5.034		
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	10.715		
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thưởng vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			